

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HN-ST

Ngày: 14/6/2023

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Thanh Trúc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.

- Bà Nguyễn Thị Mai Hồng.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Trang – Cán bộ
Tòa án nhân dân quận K.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố C xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 242/2023/QĐXXST-HN ngày 07 tháng 4 năm 2023 và quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 420/2023/QĐXXST-HN ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Trường S**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 53 Đề Thám, phường A, quận K, TP. C.

* *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 53 Đề Thám, phường A, quận K, TP. C.

(Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11 tháng 01 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Trường S trình bày:* Ông và bà Phạm Thị T tự tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, lễ cưới tổ chức vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh T ngày 20/2/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc NH thời gian gần đây do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có sự đồng cảm chia sẻ lẫn nhau. Vì tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Gia H (nam), sinh ngày 10/01/2016 và Phạm Nhã P (nữ), sinh ngày 11/02/2020. Hiện tại bà T đang trực

tiếp nuôi dưỡng 02 con nên khi ly hôn ông sẽ giao 02 con chung cho bà Tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Phạm Thị T:** Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án tiến hành triệu tập bị đơn bà Phạm Thị Tuy nhiên bà vắng mặt không lý do. Do vậy, sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T.

Tại phiên tòa, do đi làm ở xa nên ông S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bà T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông S và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên ông S có đơn khởi kiện xin ly hôn. Xác định quan hệ pháp luật là “Xin ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do ông S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có sự đồng cảm chia sẻ lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập các bên đến hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm bà T luôn vắng mặt cho thấy bà không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân ông S xác định không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn cho thấy bà cũng không còn thiết tha với cuộc hôn nhân này. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của cả 02 bên, nếu một bên không muốn tiếp tục thì dù có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy nên chấp nhận nguyện vọng của ông S là cho ông được ly hôn với bà T.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Gia H (nam), sinh ngày 10/01/2016 và Phạm Nhã P (nữ), sinh ngày 11/02/2020. Khi ly hôn ông S đồng ý giao 02 con cho bà T nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 5.000.000 đồng/tháng.

Nhận thấy, hiện nay các cháu H và cháu P đang sống cùng bà T. Ông S thường xuyên làm ăn xa nhà không đảm bảo điều kiện trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung vì hiện tại các cháu còn đi học và quá nhỏ để tự chăm sóc cho bản thân, cần người giáo dục và chăm lo hằng ngày. Xét nguyện vọng của ông S là tiếp tục để bà T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và nhằm ổn định cuộc sống các cháu, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển, học tập và giáo dục, do đó việc giao các cháu H và cháu P cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng/con. Xét thấy, mức cấp dưỡng này là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông S.

[5] Về tài sản chung: Ông S yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông S xác định không có, do bà T vắng mặt nên cần tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Ông S phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trường S:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phạm Trường S được ly hôn với bà Phạm Thị T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Phạm Gia H (nam), sinh ngày 10/01/2016 và Phạm Nhã P (nữ), sinh ngày 11/02/2020 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 5.000.000 đồng/tháng (02 con là 10.000.000 đồng/tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H, cháu P tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông S theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chưa giải quyết

4. Về nợ chung: Tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác

5. Về án phí: Ông Phạm Trường S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng NH được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000582 ngày 17/01/2023. Ông S phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nội nhĩan:
THAẢM

TM . HOẢI NỎÀNG XEỦT XỎỦ SỎ

- TAND TP Caàn Thỏ “nẻả baừo caừo”.

Thaảm phaừn - Chuủ toĩa phieân

toỏa

- VKSND TPCT, Q. K “nẻả theo doỏi”.
- Caừc nỏoừg sỏĩ “nẻả bieát”.
- THA DS Q. K “nẻả thi haỏnh”.
- UBND xỏ Bẻnh Phứ, Cằng Long, Trỏ Vinh.
- Lỏu hoỏ sỏ Daừn sỏĩ.

Cao Thỏ Thanh Truừc

Thành viên HĐXX

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai Hồng Đỗ Thị Lệ Hằng

Cao Thị Thanh Trúc

